

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/12/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến - Cán bộ hưu.

Bà Lê Thị Minh Khánh - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/5/1983.

Chứng minh nhân dân số 121490052 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 09/3/2010. Nơi ĐKKHKT: thôn Ch, xã LS, huyện LN, tỉnh BG. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Chị Bàn Thị Ng, sinh ngày 12/11/1983.

Chứng minh nhân dân số 121964660 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 01/12/2015. Nơi ĐKKHKT: thôn Ch, xã LS, huyện LN, tỉnh BG. Hiện đang ở nước ngoài, địa chỉ: số 11 Marathonos-2311 Lakatamia-Nicosia-Cyprus (Sip). Xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện theo ủy quyền của chị Bàn Thị Ng về việc giao nộp tài liệu, nhận văn bản tố tụng với Tòa án: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1978. Địa chỉ: số 512, đường LL, phường HVT, thành phố BG, tỉnh BG. (Không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 25/11/2002 tôi và chị Bàn Thị Ng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã LS, huyện LN, tỉnh BG. Sau khi kết hôn chị Ng về làm dâu và sinh sống ở nhà chồng ngay, việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống rất hoà thuận, nhưng càng về sau, trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không hoà hợp được với nhau về quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi ngày càng gay gắt và trầm trọng, thậm chí đôi bên còn có những hành vi, lời nói xúc phạm đến danh dự, uy tín và nhân phẩm của nhau. Để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi, đôi bên gia đình nội, ngoại đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Năm 2010, Chị Ng đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa Síp, từ khi đi xuất khẩu lao động đến nay (10 năm) chị Ng có về Việt Nam chơi vài lần nhưng vợ chồng tôi vẫn không thể hòa hợp được với nhau về quan điểm sống. Do hai vợ chồng đã sống cách xa nhau 10 năm nên H tại tình cảm giữa vợ chồng đã phai nhạt và không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Bắc Giang giải quyết ly hôn giữa tôi và chị Bàn Thị Ng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/01/2003. Do mẹ cháu là chị Ng đang ở nước ngoài nên tôi đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn H cho tôi được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu được Tòa án giao cháu Hiệp cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng thì tôi không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ng được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng tôi không có công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn chị Bàn Thị Ng có quan điểm lời khai trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 25/11/2002 tôi và anh Nguyễn Văn H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã LS, huyện LN, tỉnh BG. Sau khi kết hôn tôi về làm dâu và sinh sống ở nhà anh H ngay, việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống rất hoà thuận, nhưng càng về sau, trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không hoà hợp được với nhau về quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi ngày càng gay gắt và trầm trọng, thậm chí đôi bên còn có những hành vi, lời nói xúc phạm đến danh dự, uy tín và nhân phẩm của nhau. Để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi, đôi bên gia đình nội, ngoại đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Năm 2010, tôi đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa Síp, từ khi đi xuất khẩu lao động đến nay (10 năm). Do hai vợ chồng đã sống cách xa nhau 10 năm nên H tại tình cảm giữa vợ chồng đã phai nhạt và không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chồng tôi là anh Nguyễn Văn H làm đơn khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Bắc Giang giải quyết ly hôn, tôi cũng nhất trí và đồng ý ly hôn với anh H. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/01/2003. Về nuôi con chung: Do tôi đang ở nước ngoài nên tôi đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn H cho chồng tôi là anh Nguyễn Văn H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng tôi không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra chị Bàn Thị Ng trình bày: Do công việc ở xa, không về Việt Nam giải quyết được nên đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, không tiến hành thủ tục hòa giải, xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, các phiên tòa xét xử vụ án. Chị Bàn Thị Ng ủy quyền cho ông Nguyễn Đức T đại diện giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Bàn Thị Ng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa do vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 21- Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn H là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung đối với chị Bàn Thị Ng. Bị đơn chị Bàn Thị Ng là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Chồi, xã LS, huyện LN, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài tại địa chỉ: số 11 Marathonos-2311 Lakatamia-Nicosia-Cyprus (Sip). Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do chị Bàn Thị Ng giao nộp, HĐXX thấy: Các bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, Giấy ủy quyền do chị Bàn Thị Ng là người ký. Các văn bản này có xác nhận, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài (Đại sứ quán Việt Nam tại Hy Lạp). Do đó căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 478- Bộ luật Tố tụng dân sự các tài liệu này là hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H, chị Bàn Thị Ng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy các đương sự đã có quan điểm lời khai về việc giải quyết vụ án, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân:

[4.1]. Anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Bàn Thị Ng trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/11/2002 tại UBND xã LS, huyện LN, tỉnh BG. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hoà hợp được với nhau về quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng, đôi bên còn có những hành vi, lời nói xúc phạm đến danh dự, uy tín và nhân phẩm của nhau,

hai bên gia đình nội, ngoại đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Năm 2010 thì chị Ng đã đi nước ngoài lao động. Sau khi chị Ng đi nước ngoài thì có về thăm nhà vài lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bàn Thị Ng. Chị Bàn Thị Ng có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Bàn Thị Ng là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh Nguyễn Văn H và chị Bàn Thị Ng mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh Nguyễn Văn H và chị Bàn Thị Ng đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Bàn Thị Ng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Văn H và chị Bàn Thị Ng đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Bàn Thị Ng.

[5]. Về con chung:

[5.1]. Anh Nguyễn Văn H và chị Bàn Thị Ng có một con chung là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/01/2003. Ly hôn anh H đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn H cho anh được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5.2]. HĐXX thấy: Do chị Ng đang ở nước ngoài nên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Chị Ng đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Tuấn H có đơn trình bày quan điểm nguyện vọng muốn ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Anh Nguyễn Văn H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, HĐXX căn cứ Điều 81- Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/01/2003 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Bàn Thị Ng về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án

khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu nên chị Bàn Thị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H, chị Bàn Thị Ng có quan điểm trình bày đề anh chị tự thỏa thuận giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7]. Về nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Anh Nguyễn Văn H, chị Bàn Thị Ng đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[9]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; Điều 85; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm c, khoản 2, Điều 478; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Bàn Thị Ng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/01/2003 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Bàn Thị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nguyễn Văn H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Bàn Thị Ng về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung

có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/000810 ngày 17/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Bàn Thị Ng hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã LS, huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng